TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày 28/9/2023
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Bạch Long

2. Bà Lê Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Bích Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Lê Thị T, sinh năm: 1979. (có mặt)

Thường trú: B N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phan Văn T1, sinh năm: 1978. (có mặt)

Thường trú: 31 - C T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú: B H, Tổ A, Ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm: 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: 134/46/34 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1 trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên ngày 03/11/2021 vợ chồng bà T, ông T1 cho ông Lê Văn N, trú tại: Số A ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), có làm giấy cam kết mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi hết số tiền trên. Vì nghĩ hàng xóm khó khăn nên bà T, ông T1 cho mượn không lấy tiền lời, nhưng sau đó ông N không thực hiện lời hứa. Vợ chồng bà T, ông T1 nhiều lần đòi nợ thì ngày 19/8/2022 ông N viết giấy hẹn nợ đến ngày 02/9/2022 ông N sẽ trả 5.000.000 đồng, còn lại mỗi tháng trả từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho đến hết số nợ trên nhưng đến nay ông N cũng không trả đồng nào. Nay bà T, ông T1 yêu cầu ông N trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông N vắng mặt không lý do. Tại bản tự khai ngày 09/8/2023, ông Lê Văn N trình bày nội dung sau: Vào khoảng năm 2017, ông N có vay bà T số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), hàng tháng ông N đóng lãi cho bà T 3.000.000 đồng và ông đã đóng được 1,5 năm (17 tháng), sau đó ông N không đóng nữa cho đến nay. Ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1. Buộc bị đơn ông Lê Văn N có nghĩa vụ trả một lần cho bà T, ông T1 số tiền nợ vay là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1 và bị đơn ông Lê Văn N. Do bị đơn cư trú tại: Số A ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn khởi kiện được làm trong thời hiệu quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định:

Bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1 tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Lê Văn N tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. Ông N đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông N vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng ông N vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền của mình. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1 yêu cầu ông Lê Văn N có trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn ông Lê Văn N, người có thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ đã trực tiếp tống đạt hợp pháp giấy triệu tập, các tài liệu có liên quan đến vụ án nhưng ông N không đến Tòa án và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T1, cho thấy về ý thức của ông N mặc nhiên thừa nhận có vay số nợ trên của bà T, ông T1.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1 yêu cầu ông Lê Văn N trả số tiền nợ trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với các Điều 463, Điều 465, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Bởi việc bà T, ông T1 cho ông N vay tiền là có thật, điều này được thể hiện tại giấy cam kết ngày 03 tháng 11 năm 2021 và giấy hẹn nợ ngày 19 tháng 8 năm 2022 của ông N đối với bà T, ông T1, có ký tên xác nhận, thể hiện nội dung ông N có vay của bà T, ông T1 số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tình tiết này không cần phải chứng minh. Tuy nhiên đến nay ông N vẫn chưa thanh toán nợ cho bà T, ông T1 là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã giao kết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1 buộc bị đơn ông Lê Văn N có trách nhiệm trả cho bà T, ông T1 số tiền nợ vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[4] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật sân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9. 30 Luật thi hành án dân dự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1.

Buộc ông Lê Văn N có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1 số tiền nợ vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc thực hiện trả tiền một lần tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hủy giấy cam kết (viết tay) ngày 03/11/2021 và giấy nợ (viết tay) ngày 19/8/2022 giữa bà Lê Thị T và ông Lê Văn N.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị T, ông Phan Văn T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0038051 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

4/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Phúc